

CHƯƠNG TRÌNH KÍCH THÍCH KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NĂM 2009 VÀ 2010



Phỏng vấn TS. TRẦN DU LỊCH

Ủy viên Ủy ban Kinh tế Quốc hội

Thành viên Hội đồng Tư vấn Chính sách tài chính tiền tệ quốc gia

TCPTKT : *Xin ông cho biết những mặt được và chưa được của gói kích thích kinh tế lần thứ nhất mà Chính phủ áp dụng trong năm 2009 thông qua hỗ trợ lãi suất ngắn hạn và trung - dài hạn cho khu vực kinh doanh nhằm ngăn chặn đà suy giảm kinh tế? Những bài học kinh nghiệm rút ra từ việc vận dụng gói kích thích kinh tế này?*

TS. Trần Du Lịch: Từ quý 4/2008, nền kinh tế nước ta có dấu hiệu giảm phát (CPI tăng trưởng âm) do sức cầu giảm mạnh, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn suy thoái sâu. Bằng Nghị quyết số 30 ngày 11/12/2008, Chính phủ thực hiện 5 nhóm giải pháp (thường gọi là “gói kích thích kinh tế”) nhằm ngăn chặn tốc độ suy giảm tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, trong đó nổi bật là chính sách tiền tệ nới lỏng; kích cầu đầu tư và tiêu dùng; hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp (DN). Trong giải pháp hỗ trợ tín dụng, có 3 loại hỗ trợ lãi suất (HTLS) tín dụng chính, với mục tiêu khác nhau: (1) HTLS vốn ngắn hạn với mức 4%/năm trong 8 tháng, theo QĐ số 131/TTg, nhằm giúp DN mua vật tư, nguyên liệu và trả lương lao động, giảm chi phí tài chính; (2) HTLS vốn trung-dài hạn, theo QĐ 443/TTg, cho các đối tượng có dự án đổi mới công nghệ máy móc thiết bị, với lãi suất 4%/năm trong 24 tháng, nhưng phải giải ngân trước 31/12/2009; và (3) HTLS cho nông dân và địa bàn nông thôn, theo QĐ 497/TTg, nhằm cung cấp tín dụng cho nông dân mua nông cụ; vật liệu xây dựng nhà ở v.v.. Trong 3 loại HTLS tín dụng nêu trên, thì chỉ có loại HTLS ngắn hạn, theo QĐ 131/TTg

là có tác dụng nhiều hơn hết. Hai loại sau ít có ý nghĩa trên thực tế. HTLS ngắn hạn đã tạo thanh khoản mạnh mẽ cho nền kinh tế, làm tăng tổng cầu và tạo điều kiện trực tiếp cho nhiều DN thoát khỏi khó khăn về vốn lưu động để “bám giữ” thị trường, tăng số chỗ làm mới cho nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh tác dụng tích cực của nó thì thị trường lãi suất có dấu hiệu méo mó; dư nợ tín dụng tăng cao (ước khoảng 37% năm 2009); ngân hàng thương mại (NHTM) cạnh tranh tăng lãi suất; thị trường ngoại hối mất cân đối tạo áp lực lên tỷ giá USD; nguy cơ tái lạm phát cao đe dọa tình trạng bất ổn kinh tế vĩ mô trong năm 2010.

TCPTKT: *Gói kích thích kinh tế của VN có tổng giá trị gần 10% GDP gồm 4 khoản: hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng khoảng 17 nghìn tỷ đồng; vốn đầu tư phát triển của Nhà nước khoảng 90,8 nghìn tỷ đồng; thực hiện chính sách miễn, giảm thuế khoảng 28 nghìn tỷ đồng; các khoản chi khác nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội khoảng 9,8 nghìn tỷ đồng. Theo kết quả giám sát của Quốc hội, khoản nào hiệu quả nhất thưa ông? Theo ông những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả đó là gì?*

TS. Trần Du Lịch: Gói giải pháp kích thích kinh tế nêu trên, bao gồm các nội dung thuộc 2 nhóm chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ mà kết quả đã đạt được mang tính chất tổng hợp và trong từng giai đoạn có tác động khác nhau. Trong 6 tháng đầu năm 2009, nhóm giải pháp tài khóa, trong đó phần tăng công chi, trợ cấp xã hội, giảm, miễn, giãn thời gian nộp thuế; cùng với giải

pháp nới lỏng tín dụng trong chính sách tiền tệ đã có tác động kích cầu khá nhanh; còn trong 6 tháng cuối năm, biện pháp HTLS tín dụng ngắn hạn giúp DN phục hồi đáng kể. Tuy việc HTLS tín dụng ngắn hạn chỉ trực tiếp áp dụng cho khoảng 20% số DN đang hoạt động theo Luật DN, nhưng nó có tác dụng lan tỏa đối với cả nền kinh tế, theo hiệu ứng số nhân, phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế nước ta. (Theo lý thuyết số nhân, khi nền kinh tế có khuynh hướng tiêu thụ biên cao thì tác dụng lan tỏa của chi tiêu công càng lớn). Đây cũng chính là nguyên nhân mang lại kết quả của gói kích thích kinh tế. Tuy nhiên, công bằng mà nói, sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế trong năm 2009 phải kể đến sự năng động, nhạy bén, khả năng thích nghi mạnh mẽ của DNVN trong bối cảnh khó khăn. Đây chính là vốn quý, mà các chính sách kinh tế phải tính đến, để phát huy trong thời kỳ “ hậu suy giảm”.

TCPTKT: Theo ông, chủ thể nào được hưởng lợi nhiều nhất từ chương trình kích thích kinh tế lần thứ nhất: các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế (DN nhà nước, DN tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài...), hay hệ thống ngân hàng thương mại? Chương trình đã đảm bảo tính minh bạch, tính công khai; đúng đối tượng?

TS. Trần Du Lịch: Gói giải pháp kích thích kinh tế theo Nghị quyết số 30 và sau đó bổ sung Nghị quyết số 30a của Chính phủ triển khai từ đầu năm 2009 bao gồm cả mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội; không chỉ đối với các ngành công nghiệp, dịch vụ, mà còn hướng đến chính sách “tam nông”, nên đối tượng được hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp rất rộng. Tuy nhiên, từ kết quả thực hiện chính sách HTLS tín dụng ngắn hạn thì các ngành liên quan đến sản xuất và kinh doanh xuất khẩu; sản xuất hàng tiêu dùng trong nước, ngành xây dựng...trực tiếp được hưởng lợi từ chính sách này. Nếu xét về thành phần kinh tế thì khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ cao nhất (ví dụ trên địa bàn TP.HCM, 83% dư nợ tín dụng HTLS ngắn hạn là khu vực ngoài nhà nước). Đối với hệ thống NHTM, thì chính cơ chế HTLS 4%/năm đã mang lại lợi kép: vừa tăng nguồn vốn huy động, vừa tăng dư nợ tín dụng trong điều kiện hạ lãi suất khá mạnh so với năm 2008. Nhìn chung qua giám sát trực tiếp một số NHTM và DN được hưởng HTLS, tôi cho rằng, chính sách HTLS khá minh bạch và thực hiện theo một thủ tục chặt chẽ, nhưng vấn đề phát sinh là khả năng kiểm soát vòng quay của

nguồn vốn trong kỳ hạn tín dụng, nên khó tránh khỏi tình trạng “chảy “ vào các kênh ngoài ý muốn của Nhà nước.

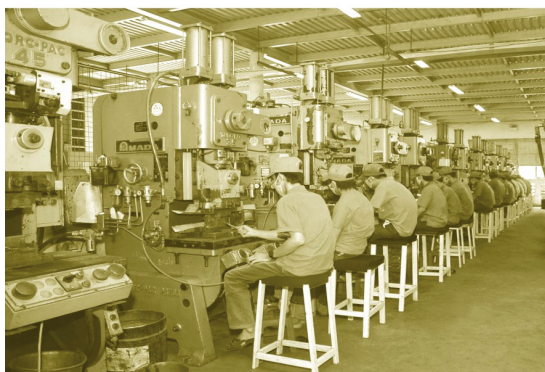
TCPTKT: Chương trình kích thích kinh tế của VN có điểm khác nào so với chương trình của các nước áp dụng để đối phó với khủng hoảng tài chính thế giới 2008-2009. Hãy cho biết suy nghĩ của ông về vấn đề này.

TS. Trần Du Lịch: Mở đầu các gói kích thích kinh tế có thể kể đến là Mỹ với gói hỗ trợ tài chính TARP tháng 9/2008 và được điều chỉnh dưới chính quyền Obama vào tháng 2/2009 với chương trình PPIP, mà quy mô chung của các gói giải cứu lên đến 825 tỷ USD. Cùng với Mỹ, nhiều quốc gia đã đồng loạt đưa ra thực hiện các gói kích thích kinh tế như: Trung Quốc thực hiện gói kích thích với quy mô 586 tỷ USD (công bố tháng 9/2008) và đề ra 10 nhóm giải pháp (tháng 11/2008); Nhật: 275 tỷ USD; Nga: 250 tỷ USD; Đức: 81 tỷ USD; Ấn Độ: 61 tỷ USD; Anh: 30 tỷ USD; Pháp: 23 tỷ USD; Thái Lan: 8,7 tỷ USD v.v.. Các gói giải pháp nhằm giải cứu khủng hoảng, chưa từng có với nhiều hình thức khác nhau, trong đó tập trung chính vào 3 nhóm: (1) Hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống tài chính-tín dụng nhằm hạn chế sự sụp đổ lây lan. Giải pháp này được áp dụng chủ yếu ở Mỹ và khu vực đồng EURO; (2) Kích cầu tiêu dùng thông qua chính sách miễn giảm thuế và tài trợ tiêu dùng khu vực tư nhân. Giải pháp này được áp dụng ở hầu hết các nước với mức độ và kết quả khác nhau; và (3) Hỗ trợ DN để ngăn chặn tình trạng thu hẹp sản xuất, sa thải công nhân làm tăng tỷ lệ thất nghiệp.

Đối chiếu với nội dung của gói kích thích kinh tế của nước ta, về mục tiêu khá gần nhau, nhưng khác nhau về cách làm. Cơ chế HTLS là cách làm đặc thù của VN nhưng rất phù hợp với điều kiện thực tế của tình hình kinh tế nước ta ở thời điểm vừa qua.

TCPTKT: Để gói kích thích kinh tế thứ hai đạt hiệu quả và giúp các DN phát triển kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế có những dấu hiệu phục hồi, xin ông cho biết cần áp dụng những giải pháp nào từ phía Chính phủ, ngân hàng và DN?

TS. Trần Du Lịch: Cần lưu ý rằng, điểm khác biệt giữa tình hình kinh tế nước ta với nhiều nước khác hiện nay là: Chúng ta nỗ lực phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế trong điều kiện phải đồng thời ngăn chặn nguy cơ tái lạm phát. Do đó, cần có sự phối hợp đồng bộ cả 4 nhóm công cụ điều



tiết vĩ mô: chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách tiêu dùng và chính sách ngoại thương nhằm phục vụ cho mục tiêu ưu tiên năm 2010 là ổn định kinh tế vĩ mô.

Vấn đề trọng tâm của giai đoạn “sau suy giảm” là: Tổ chức lại nền kinh tế nhằm chuyển nền kinh tế từ tính chất gia công sang sản xuất; tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; chuyển nền kinh tế từ lệ thuộc sang tương thuộc trong quá trình hội nhập nhằm xác lập vị thế của nền kinh tế VN trong thời kỳ “hậu khủng hoảng” của thế giới với sự dự báo sẽ diễn ra cuộc chạy đua nhằm thay đổi trật tự kinh tế quốc tế trong quan hệ toàn cầu và khu vực. Do đó, Chính phủ cần có một Chương trình tổng thể để thực hiện mục tiêu tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng nâng cao sức cạnh tranh, với một lộ trình rõ ràng, có mục tiêu định lượng cụ thể, kèm theo các chính sách kinh tế, tài chính bảo đảm cho việc thực thi các mục tiêu đề ra. Một chương trình như vậy cần được ban hành sớm, để thực hiện từ năm 2010 nhằm hỗ trợ và định hướng đầu tư cho DN ngay từ giai đoạn phục hồi

TCPTKT: *Xin ông cho biết triển vọng của nền kinh tế VN và hoạt động của các DNVN trong năm 2010?*

TS. Trần Du Lịch: Cuộc khủng hoảng và suy

thoái kinh tế toàn cầu đang thực sự bước vào giai đoạn hồi phục; các dự báo gần đây khá lạc quan về triển vọng năm 2010, nhất là các nền kinh tế mới nổi khu vực châu Á. Nguy cơ lớn nhất đối với nền kinh tế VN là tái lạm phát do cơ cấu kinh tế, do hệ quả của chính sách tiền tệ và tài khoá nới lỏng và từ nguy cơ giá cả “ấm” lên của thị trường thế giới. Tuy nhiên, nếu Chính phủ tập trung ngăn chặn nguy cơ này, ưu tiên ổn định vĩ mô, như thông điệp đầu năm của Thủ tướng, thì năm 2010 nền kinh tế VN có thể hồi phục tương đương với trước thời kỳ suy giảm; tức cao hơn mục tiêu tăng GDP 6,5%. Năm 2010 cũng sẽ tạo cơ hội cho các DN tận dụng chính sách phát triển thị trường nội địa, chính sách HTLS trung-dài hạn của Chính phủ để tái cấu trúc, nâng cao sức cạnh tranh, phục hồi tăng trưởng theo hướng bền vững.

TCPTKT: *Xin cảm ơn ông và chúc ông nhiều sức khỏe và thành công* ■